lǎo gōng

# 老公

Noun · (coll.) husband

## Example Sentence

wǒ lǎo gōng měi tiān xià bān hòu dōu huì zuò fàn
我老公每天下班后都会做饭。

My husband cooks every day after work.

Trace each character, then write the word on your own.

老 老 老 老 老 老 老 老 老

公 公 公 公 公 公 公